

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ****BỘ KẾ HOẠCH  
VÀ ĐẦU TƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 324/2006/QĐ-BKH

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2006

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ủy quyền cho Ban quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên - Huế trong việc hình thành dự án; tiếp nhận, xem xét hồ sơ dự án; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư và quản lý hoạt động các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trong Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô

**BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2000/NĐ-CP;

Căn cứ Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 61/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 233/1998/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân cấp, ủy quyền cấp giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 04/2006/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên - Huế;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Định hướng phát triển Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên - Huế đến năm 2020";

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên - Huế;

Căn cứ Văn bản số 1602/VPCP-ĐP ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư cho Ban quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên - Huế;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế tại Văn bản số 629/UBND - CV ngày 06 tháng 3 năm 2006,

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1.

1. Ban quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô (sau đây gọi là Ban quản lý) là đầu mối hướng dẫn các nhà đầu tư, đầu tư vào Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô và hoạt động theo Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô ban hành kèm theo Quyết định số 04/2006/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ; Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ và các quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài.

2. Ủy quyền Ban quản lý tiếp nhận, xem xét hồ dự án; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư và quản lý hoạt động các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đầu tư vào Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô quy định tại Quyết định này.

**Điều 2.** Việc xem xét cấp Giấy phép đầu tư cho các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đầu tư vào Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô được chấp thuận theo quy trình đăng ký cấp Giấy phép đầu tư do Ban quản lý thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

### Điều 3.

1. Các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đầu tư vào Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô được chấp thuận theo quy trình đăng ký cấp Giấy phép đầu tư mà Ban quản lý được ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư phải đồng thời đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Phù hợp với Quy hoạch và Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Không thuộc những dự án nhóm A theo quy định tại Khoản 1 Điều 114 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và được bổ sung, sửa đổi tại Khoản 26 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ;

c) Không thuộc các lĩnh vực không phân cấp việc cấp Giấy phép đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và được bổ sung tại Khoản 27 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ;

d) Không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện ban hành kèm theo Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ;

e) Là dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ công nghiệp và dự án nhóm B thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 114 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ có quy mô đến 40 triệu đôla Mỹ.

e) Là dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ công nghiệp và dự án nhóm B thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 114 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ có quy mô đến 40 triệu đôla Mỹ.

2. Hồ sơ dự án đăng ký cấp Giấy phép đầu tư thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 106 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và được bổ sung, sửa đổi tại Khoản 23 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ. Đơn đăng ký cấp Giấy phép đầu tư được lập theo Mẫu 1 và các tài liệu gửi kèm theo được lập theo Mẫu 2.b, 3.b, 3.c và 4.b Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 12/2000/TT-BKH ngày 15 tháng 9 năm 2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Trường hợp, dự án đầu tư thuộc danh mục dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 490/1998/TT-BKHCNMT ngày 29 tháng 4 năm 1998 của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường hướng dẫn lập và thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư và gửi kèm hồ sơ dự án đăng ký cấp Giấy phép đầu tư.

3. Ban quản lý cấp Giấy phép đầu tư khi hồ sơ dự án đăng ký cấp Giấy phép đầu tư của nhà đầu tư đáp ứng đủ các điều kiện và thủ tục quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép đầu tư theo yêu cầu của Ban quản lý, Ban quản lý cấp Giấy phép đầu tư cho các dự án đủ điều kiện.

Mọi yêu cầu của Ban quản lý đối với nhà đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép đầu tư, Giấy phép điều chỉnh được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ dự án.

5. Đối với dự án nhóm B chưa có danh mục trong quy hoạch phát triển ngành hoặc quy hoạch sản phẩm đã được duyệt thì trước khi ra quyết định cấp Giấy phép đầu tư, Ban quản lý có trách nhiệm gửi Tóm tắt dự án tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư; lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan về những vấn đề thuộc thẩm quyền của các Bộ, ngành để được xem xét và chấp thuận.

Các Bộ, ngành được lấy ý kiến về dự án, kể cả trường hợp điều chỉnh Giấy phép đầu tư, có nhiệm vụ trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ dự án; quá thời hạn trên mà không có ý kiến bằng văn bản thì coi như chấp thuận dự án.

#### **Điều 4.**

1. Giấy phép đầu tư được soạn thảo theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn.

**Điều 5.** Đối với các dự án Ban quản lý không được ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư, sau khi tiếp nhận, Ban quản lý giữ lại 1 bộ hồ sơ (bản sao) và chuyển toàn bộ số hồ sơ dự án còn lại kèm theo ý kiến của Ban quản lý về dự án đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đăng ký cấp Giấy phép đầu tư theo quy định tại các Điều 105 và 106 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và được bổ sung, sửa đổi tại các Khoản 22 và 23 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ hoặc thẩm định cấp Giấy phép đầu tư theo quy định tại các

Điều 109 và 114 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 26 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ.

## **Điều 6.**

1. Ban quản lý hướng dẫn các nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án; thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động trong Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô theo các quy định tại Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên - Huế ban hành kèm theo Quyết định số 04/2006/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ; Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ và các quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài.

2. Ban quản lý thực hiện việc điều chỉnh Giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư đã được ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư trong phạm vi hạn mức vốn đầu tư được ủy quyền. Việc điều chỉnh Giấy phép đầu tư được thực hiện theo quy định tại các Điều 15, 16, 17, 18 và 19 Thông tư số 12/2000/TT-BKH ngày 15 tháng 9 năm 2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

3. Những trường hợp Ban quản lý quyết định với sự thỏa thuận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Do điều chỉnh Giấy phép đầu tư mà dự án vượt quá mức được ủy quyền quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này nhưng vẫn thuộc dự án nhóm B thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; thay đổi mục tiêu hoặc bổ sung mục tiêu dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện;

b) Giảm tỷ lệ góp vốn pháp định của Bên Việt Nam trong các trường hợp liên doanh hoặc chuyển hình thức liên doanh sang đầu tư 100% vốn nước ngoài;

c) Giải thể doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh trước thời hạn.

4. Trường hợp do điều chỉnh Giấy phép đầu tư mà dự án trở thành dự án nhóm A, thì phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bằng văn bản trước khi điều chỉnh.

5. Ban quản lý quyết định giải thể doanh nghiệp và thu hồi các Giấy phép đầu tư theo quy định hiện hành.

**Điều 7.** Hàng quý, 6 tháng và hàng năm, Ban quản lý tổng hợp việc cấp Giấy phép đầu tư, điều chỉnh Giấy phép đầu tư, tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô thuộc phạm vi quản lý và gửi báo cáo tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế.

**Điều 8.** Bộ Kế hoạch và Đầu tư tạo mọi điều kiện thuận lợi và kiểm tra Ban quản lý thực hiện các việc được ủy quyền theo đúng quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chính phủ về việc ủy quyền quy định tại Quyết định này.

**Điều 9.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Võ Hồng Phúc**